

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 31



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

#### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 đăng ký lần đầu ngày 30/05/2007, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 15/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Theo giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Khách sạn;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Sản xuất rượu vang;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất cồn; Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 12.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền tương ứng</u>	<u>Tỷ lệ/Vốn điều lệ</u>
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	3.378.750	33.787.500.000	27,03%
Vốn góp của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	853.050	8.530.500.000	6,82%
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	-	
Ông Võ Sỹ Dũng	1.053.676	10.536.760.000	8,43%
Bà Nguyễn Thu Hương	655.266	6.552.660.000	5,24%
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	625.000	6.250.000.000	5%
Các cổ đông khác	5.934.258	59.342.580.000	47,47%
	<u>12.500.000</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>100%</u>

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông: Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông: Võ Sỹ Đông	Thành viên hội đồng quản trị
Bà: Nguyễn Thu Hương	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông: Bùi Văn Thiêng	Giám đốc
Ông: Vũ Danh Tuyên	Phó Giám đốc
Bà: Trần Bích Thủy	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà: Nguyễn Thanh Thủy	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thùy Linh	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

## KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phú thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2017

TM Ban Giám đốc

Giám đốc



Bùi Văn Thiêng





Số: 103/BCKT/TC/AVA

Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Tel: (+84 4) 3868 9566 / (+84 4) 3868 9588

Fax: (+84 4) 3868 6248 Web: kiemtoanava.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ, được lập ngày 23/01/2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Ngô Quang Tiên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHNKT số 0448-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2017

**Nguyễn Thành Công**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHNKT số 1912-2014-126-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>126.406.199.090</b>	<b>174.012.876.046</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>65.450.008.669</b>	<b>90.609.879.190</b>
1. Tiền	111		1.050.008.669	90.609.879.190
2. Các khoản tương đương tiền	112		64.400.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.816.144.725</b>	<b>38.988.683.308</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	16.334.444.800	36.197.719.498
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	6.785.901.725	2.091.414.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	695.798.200	699.549.810
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.702.599.580</b>	<b>43.788.795.269</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	36.702.599.580	43.788.795.269
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>437.446.116</b>	<b>625.518.279</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	437.446.116	540.495.080
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	85.023.199
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>275.276.690.302</b>	<b>265.858.471.871</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	490.000.000	490.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>263.286.228.582</b>	<b>259.822.985.777</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	263.286.228.582	259.822.985.777
<i>Nguyên giá</i>	222		441.367.314.126	406.188.933.884
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(178.081.085.544)	(146.365.948.107)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>826.200.000</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	826.200.000	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.674.261.720</b>	<b>5.545.486.094</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	10.674.261.720	5.545.486.094
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>401.682.889.392</b>	<b>439.871.347.917</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>173.981.801.413</b>	<b>213.345.567.520</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>164.981.801.413</b>	<b>213.345.567.520</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	42.218.064.008	48.307.259.332
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.721.921.770	106.878.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	100.227.870.562	56.951.517.555
4. Phải trả người lao động	314	V.11	1.888.059.000	2.304.284.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.995.815.910	1.725.795.655
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	8.698.875.810	5.058.348.860
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	6.000.000.000	96.732.452.012
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	2.231.194.353	2.159.031.967
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	9.000.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>227.701.087.979</b>	<b>226.525.780.397</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>227.701.087.979</b>	<b>226.525.780.397</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.517.055.477	21.635.785.095
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.184.032.502	79.889.995.302
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	421a		44.914.445.532	45.304.587.657
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		34.269.586.970	34.585.407.645
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>401.682.889.392</b>	<b>439.871.347.917</b>

Phú Thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Bích Thủy

Trần Bích Thủy

Bùi Văn Thiêng



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	478.598.197.772	441.908.925.784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.529.950.182	209.884.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		477.068.247.590	441.699.041.784
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	414.337.923.828	381.866.866.597
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.730.323.762	59.832.175.187
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	177.497.138	369.651.927
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.889.949.218	5.762.010.215
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.090.588.162	5.762.010.215
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.915.978.507	2.440.025.591
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.383.103.395	11.245.350.071
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.718.789.780	40.754.441.237
11. Thu nhập khác	31		24.560.782	37.179.030
12. Chi phí khác	32	VI.8	693.680.062	58.976.925
13. Lợi nhuận khác	40		(669.119.280)	(21.797.895)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.049.670.500	40.732.643.342
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	3.138.885.263	3.107.235.697
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>37.910.785.237</u>	<u>37.625.407.645</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>2.785</u>	<u>2.663</u>

Phú Thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Bích Thủy

Trần Bích Thủy

Bùi Văn Thiêng



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.049.670.500	40.732.643.342
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	31.911.822.100	29.209.217.349
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	157.213.030	(145.435.673)
- Chi phí lãi vay	06	3.090.588.162	5.646.842.485
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.209.293.792	75.443.267.503
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.441.268.601	71.177.016.095
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	7.086.195.689	(8.133.766.203)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	63.985.656.432	61.035.811.958
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.025.726.662)	(2.955.183.497)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.129.294.516)	(5.696.384.663)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.587.591.862)	(3.568.641.862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(17.053.862.101)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(11.460.880.672)	(4.128.246.549)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>127.465.058.701</b>	<b>183.173.872.782</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(39.710.801.290)	(2.493.927.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	9.100.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	59.224.080	145.435.673
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(39.642.477.210)</b>	<b>(2.348.491.599)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	495.297.957.500	534.838.564.215		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(577.030.409.512)	(607.728.173.420)		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.250.000.000)	(23.875.926.000)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(112.982.452.012)</b>	<b>(96.765.535.205)</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(25.159.870.521)</b>	<b>84.059.845.978</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 90.609.879.190</b>	<b>6.550.033.212</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	-		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1 65.450.008.669</b>	<b>90.609.879.190</b>		

Phú Thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Bích Thủy

Trần Bích Thủy

Bùi Văn Thiêng



# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 đăng ký lần đầu ngày 30/05/2007, đăng ký thay đổi lần 03 ngày 15/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp là 125.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

##### 2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Khách sạn;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Sản xuất rượu vang;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ;
- Sản xuất cồn; Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

##### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

##### 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

##### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam.

#### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên [hoặc trình bày theo chính sách kế toán của Công ty ví dụ áp dụng theo Chính sách lập dự phòng của Tập đoàn], hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 48 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐH theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

#### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, bao bì luân chuyển và các chi phí khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 36 tháng.

#### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm: Các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.;
- Phải trả khác: Là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ;

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Quang Minh.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản chi phí được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại cho khách hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu thuộc kỳ báo cáo được ghi giảm doanh thu trong kỳ, trừ trường hợp phát hiện sai sót sau khi đã phát hành báo cáo sẽ được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

Trong kỳ các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: Hoàn nhập dự phòng tiền lương phải trả và chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu, trưng bày sản phẩm, bảo hành, bảo quản đóng gói, vận chuyển.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: Chi phí lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi phí quản lý được ghi giảm trong kỳ gồm: Hoàn nhập một phần chi phí trích trước kiểm kê và trực ban năm trước.

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% và được giảm 50% số thuế phải nộp (từ năm 2014 đến năm 2020).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **a. Công cụ tài chính**

###### *Ghi nhận ban đầu*

###### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

###### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

###### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **b. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tiền</i>	<i>1.050.008.669</i>	<i>90.609.879.190</i>
Tiền mặt	190.057.716	1.080.434.786
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	859.950.953	89.529.444.404
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>64.400.000.000</b>	<b>-</b>
Tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 03 tháng	64.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>65.450.008.669</b>	<b>90.609.879.190</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>16.276.994.800</i>	<i>36.191.854.198</i>
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	16.276.994.800	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	36.178.496.198
Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân	-	13.358.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>57.450.000</b>	<b>5.865.300</b>
Phải thu các khách hàng khác	57.450.000	5.865.300
<b>Cộng</b>	<b>16.334.444.800</b>	<b>36.197.719.498</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại và Môi trường		
Hồng Anh	2.507.272.727	-
Công ty CP Dịch vụ và Ứng dụng tự động A2S	1.814.279.800	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ		
Đại Nam	1.038.142.500	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại		
Thành An Phát	-	1.740.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.426.206.698	351.414.000
<b>Cộng</b>	<b>6.785.901.725</b>	<b>2.091.414.000</b>

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	695.798.200	-	506.798.200	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	192.751.610	-
<b>Cộng</b>	<b>695.798.200</b>	<b>-</b>	<b>699.549.810</b>	<b>-</b>

**4b. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	490.000.000	-	490.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.624.138.852	-	27.901.897.964	-
Công cụ, dụng cụ	3.263.085.299	-	2.716.511.185	-
Chi phí SXKD dở dang	7.575.469.440	-	6.935.672.469	-
Thành phẩm	5.239.905.989	-	6.234.713.651	-
<b>Cộng</b>	<b>36.702.599.580</b>	<b>-</b>	<b>43.788.795.269</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	329.171.098	433.808.568
Chi phí bảo hiểm	108.275.018	106.686.512
<b>Cộng</b>	<b>437.446.116</b>	<b>540.495.080</b>

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	2.151.905.400	2.582.286.480
Công dụng dụng cụ	8.522.356.320	2.963.199.614
<b>Cộng</b>	<b>10.674.261.720</b>	<b>5.545.486.094</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	96.752.694.352	301.481.422.236	7.356.335.259	598.482.037	406.188.933.884
Mua trong năm	-	30.115.804.772	-	1.250.403.041	31.366.207.813
XDCB hoàn thành	4.251.055.453	-	-	-	4.251.055.453
Thanh lý TSCĐ	-	(438.883.024)	-	-	(438.883.024)
<b>Số cuối năm</b>	<b>101.003.749.805</b>	<b>331.158.343.984</b>	<b>7.356.335.259</b>	<b>1.848.885.078</b>	<b>441.367.314.126</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	16.709.876.006	126.270.820.634	3.074.034.993	311.216.474	146.365.948.107
Khấu hao trong năm	3.687.861.344	27.422.285.611	661.467.084	156.869.312	31.928.483.351
Thanh lý TSCĐ	-	(213.345.914)	-	-	(213.345.914)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.397.737.350</b>	<b>153.479.760.331</b>	<b>3.735.502.077</b>	<b>468.085.786</b>	<b>178.081.085.544</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	80.042.818.346	175.210.601.602	4.282.300.266	287.265.563	259.822.985.777
<b>Số cuối năm</b>	<b>80.606.012.455</b>	<b>177.678.583.653</b>	<b>3.620.833.182</b>	<b>1.380.799.292</b>	<b>263.286.228.582</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là: 250.450.693.827 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Minh. Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 781.955.379 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	826.200.000	-	826.200.000
Hệ thống xử lý nước thải	-	826.200.000	-	826.200.000
<i>Sửa chữa lớn TSCĐ</i>	-	25.029.897.222	(25.029.897.222)	-
Hệ thống chuyển đổi vỏ lon	-	6.380.246.575	(6.380.246.575)	-
Máy đóng thùng carton	-	18.649.650.647	(18.649.650.647)	-
<b>Cộng</b>	-	<b>25.856.097.222</b>	<b>(25.029.897.222)</b>	<b>826.200.000</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	36.915.521.525	45.370.866.473
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	36.815.200.889	45.347.678.473
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	-	23.188.000
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	100.320.636	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	5.302.542.483	2.936.392.859
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	1.318.944.000	-
Công ty cổ phần Năng lượng xanh - Phú Thọ	1.352.766.800	1.426.753.362
Các nhà cung cấp khác	2.630.831.683	1.509.639.497
<b>Cộng</b>	<b>42.218.064.008</b>	<b>48.307.259.332</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.633.192.472	-	84.024.232.303	74.365.035.265	17.292.389.510
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	45.518.177	1.745.563.482	1.700.045.305	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	48.275.983.517	-	361.663.888.248	328.634.638.393	81.305.233.372
Thuế xuất, nhập khẩu	-	39.505.022	128.113.979	88.608.957	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	694.310.496	-	3.208.739.947	2.587.591.862	1.315.458.581
Thuế thu nhập cá nhân	348.031.070	-	1.547.160.651	1.580.402.622	314.789.099
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>56.951.517.555</b>	<b>85.023.199</b>	<b>452.320.698.610</b>	<b>408.959.322.404</b>	<b>100.227.870.562</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh bia với thuế suất 55%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 18221000027 ngày 25 tháng 10 năm 2007 cấp bởi Ban Quản lý các khu Công nghiệp Phú Thọ. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi doanh nghiệp có doanh thu (năm 2010 đến năm 2022) và Công ty được miễn thuế 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2011 đến năm 2013), giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo sau đó (từ năm 2014 đến năm 2020).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11. Phải trả người lao động		Số cuối năm	Số đầu năm		
Tiền lương phải trả cuối kỳ		1.888.059.000	2.304.284.000		
<b>Cộng</b>		<b>1.888.059.000</b>	<b>2.304.284.000</b>		
12. Chi phí phải trả ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm		
Dự phòng chi phí tiền lương		1.883.765.910	1.500.000.000		
Chi phí lãi vay phải trả		18.750.000	87.153.044		
Các khoản trích trước khác		93.300.000	138.642.611		
<b>Cộng</b>		<b>1.995.815.910</b>	<b>1.725.795.655</b>		
13. Phải trả ngắn hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm		
Kinh phí công đoàn		23.292.560	26.491.110		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		5.028.200.000	1.823.700.000		
Cổ tức phải trả		3.366.152.250	3.208.157.750		
<b>Cộng</b>		<b>8.698.875.810</b>	<b>5.058.348.860</b>		
14. Vay và nợ thuê tài chính		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>14.a Vay ngắn hạn</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>96.732.452.012</b>	<b>96.732.452.012</b>	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Minh <sup>(i)</sup>	-	-	76.232.452.012	76.232.452.012	
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000	20.500.000.000	20.500.000.000	
<b>14.b Vay dài hạn</b>	<b>9.000.000.000</b>	<b>9.000.000.000</b>	-	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Minh <sup>(ii)</sup>	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>96.732.452.012</b>	<b>96.732.452.012</b>	

<sup>(i)</sup> Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng số 16.70.0001/2015-HĐTDHM/NHCT264-BIASGPT ngày 15 tháng 01 năm 2016, hạn mức 150.000.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được đảm bảo bằng các Hợp đồng đảm bảo cụ thể số 09.19.0050/HĐTC ngày 21/05/2009, 09.19.0051/HĐTC ngày 21/05/2009, và số 13.61.0022/HĐTC ngày 07/02/2013. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ cụ thể.

<sup>(ii)</sup> Vay dài hạn theo hợp đồng số 16.70.00005/2016 - HĐDĐH/NHCT264-BIASGPT ngày 26 tháng 02 năm 2016 có hạn mức 15.000.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện “Dự án đầu tư cải tạo dây chuyền chiết - Đầu tư thiết bị đóng thùng Wrap - around và chuyển đổi vỏ lon 206 sang vỏ lon 202” được đảm bảo bằng các Hợp đồng đảm bảo cụ thể số 09.19.0050/HĐTC ngày 21/05/2009, 09.19.0051/HĐTC ngày 21/05/2009 và số 13.61.0022/HĐTC ngày 07/02/2013. Lãi suất vay 7,5%/năm, thời hạn cho vay 36 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>96.732.452.012</b>	<b>480.297.957.500</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>556.530.409.512</b>	<b>6.000.000.000</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.232.452.012	480.297.957.500	-	(556.530.409.512)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.500.000.000	-	6.000.000.000	(20.500.000.000)	6.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>(6.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000.000</b>
Vay dài hạn ngân hàng	-	15.000.000.000	(6.000.000.000)	-	9.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>96.732.452.012</b>	<b>495.297.957.500</b>	<b>-</b>	<b>(577.030.409.512)</b>	<b>15.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.877.162.678	3.362.389.077	(3.699.702.000)	1.539.849.755
Quỹ phúc lợi	2.550.000	114.112.000	(42.400.000)	74.262.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	669.289	1.091.317.387	(785.508.154)	306.478.522
Quỹ an sinh xã hội	278.650.000	376.254.076	(344.300.000)	310.604.076
<b>Cộng</b>	<b>2.159.031.967</b>	<b>4.944.072.540</b>	<b>(4.871.910.154)</b>	<b>2.231.194.353</b>

**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	125.000.000.000	18.285.123.343	76.757.989.183	220.043.112.526
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	3.350.661.752	(3.350.661.752)	-
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.637.151.561)	(5.637.151.561)
Chia cổ tức	-	-	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
Tặng khác	-	-	34.411.787	34.411.787
Lợi nhuận năm trước	-	-	37.625.407.645	37.625.407.645
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>21.635.785.095</b>	<b>79.889.995.302</b>	<b>226.525.780.397</b>
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	21.635.785.095	79.889.995.302	226.525.780.397
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	1.881.270.382	(1.881.270.382)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.944.072.540)	(4.944.072.540)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(31.250.000.000)	(31.250.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
Truy thu thuế	-	-	(1.405.159)	(1.405.159)
Lợi nhuận năm nay	-	-	37.910.785.281	37.910.785.281
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>23.517.055.477</b>	<b>79.184.032.502</b>	<b>227.701.087.979</b>

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	33.787.500.000	33.787.500.000
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	8.530.500.000	8.530.500.000
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	-	6.250.000.000
Ông Võ Sỹ Dờng	10.536.760.000	10.536.760.000
Bà Nguyễn Thu Hương	6.552.660.000	6.552.660.000
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	6.250.000.000	-
Các cổ đông khác	59.342.580.000	59.342.580.000
<b>Cộng</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**16c. Các giao dịch về với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>
- Vốn góp đầu năm	125.000.000.000	125.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	125.000.000.000	125.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>31.250.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>

**16d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	-

**16e. Phân phối lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Ghi chú</u>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	79.889.995.302	(1)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ này	37.910.785.281	(2)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	(1.405.159)	(3)
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	(4)
Lợi nhuận được chia cổ tức và PP các quỹ trong kỳ	117.799.375.424	(5) = (1) + ... + (4)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(38.615.342.922)	(6) = (7) + ... + (10)
- Chia cổ tức năm trước	(31.250.000.000)	(7)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển	(1.881.270.382)	(8)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.944.072.540)	(9)
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	(540.000.000)	(10)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>79.184.032.502</b>	<b>(11) = (5) + (6)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán bia	472.382.035.271	437.715.574.575
Doanh thu khác	6.216.162.501	4.193.351.209
<b>Cộng</b>	<b>478.598.197.772</b>	<b>441.908.925.784</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	442.655.890.730	780.000.000
Công ty Cổ phần Bia rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	18.360.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	427.817.511.797
Công ty Cổ phần Bia - Rượu Sài Gòn - Phú Lý	-	2.100.000
<b>Cộng</b>	<b><u>442.674.250.730</u></b>	<b><u>428.677.821.797</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Là khoản chiết khấu thương mại cho các đại lý bia hơi.

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã bán	411.861.121.219	381.866.866.597
Giá vốn hoạt động khác	2.476.802.609	-
<b>Cộng</b>	<b><u>414.337.923.828</u></b>	<b><u>381.866.866.597</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	88.013.394	68.230.117
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	59.224.080	77.205.556
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.259.664	224.216.254
<b>Cộng</b>	<b><u>177.497.138</u></b>	<b><u>369.651.927</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.090.588.162	5.646.842.485
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	29.696.690	115.167.730
Điều chỉnh các khoản ghi nhận năm trước	(230.335.634)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.889.949.218</u></b>	<b><u>5.762.010.215</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vận chuyển	815.725.869	444.231.486
Chi phí trả trước phân bổ	5.100.252.638	1.937.720.145
Chi phí khác	-	58.073.960
<b>Cộng</b>	<b><u>5.915.978.507</u></b>	<b><u>2.440.025.591</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> (trình bày lại)
Chi phí cho nhân viên	5.596.784.940	4.716.865.487
Chi phí công cụ, dụng cụ	132.032.468	194.268.098
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.178.869.436	1.108.015.898
Thuế, phí và lệ phí	23.298.632	29.251.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.253.337	359.135.726
Chi phí khác	5.108.864.582	4.837.813.842
<b>Cộng</b>	<b><u>12.383.103.395</u></b>	<b><u>11.245.350.071</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	24.560.782	37.179.030
<b>Cộng</b>	<b>24.560.782</b>	<b>37.179.030</b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	216.437.110	-
Chi phí khác	477.242.952	58.976.925
<b>Cộng</b>	<b>693.680.062</b>	<b>58.976.925</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
a. Lợi nhuận trước thuế	41.049.670.544	40.732.643.342
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	802.132.964	697.165.947
c. Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	41.851.803.508	41.429.809.289
<b>d. Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.138.885.263</b>	<b>3.107.235.697</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u> <u>(trình bày lại)</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.910.785.281	37.625.407.645
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(3.101.198.311)	(4.342.874.229)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.101.198.311)	(4.342.874.229)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.809.586.970	33.282.533.416
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.500.000	12.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.785</b>	<b>2.663</b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước (năm 2015) được trình bày lại, tăng từ 2.559 VND lên 2.663 VND, do khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu phổ thông năm 2015 được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014 số tiền 3.137.151.561 VND và bổ sung khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 số tiền 1.842.874.229 VND.

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	358.221.356.901	327.357.596.826
Chi phí nhân công	18.998.784.075	15.646.271.933
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.830.342.836	31.577.318.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.649.603.879	10.440.488.560
Chi phí khác bằng tiền	5.623.689.795	5.816.558.184
<b>Cộng</b>	<b>435.323.777.486</b>	<b>390.867.485.097</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác**  
Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**  
Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.
- Thông tin về các bên liên quan**  
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các Công ty là cổ đông góp vốn, các thành viên trong cùng Tổng Công ty và các bên liên quan khác là các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty.

### 3a. Danh sách bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Mối quan hệ</u>
TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Phú Thọ	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng TCT
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Phú Lý	Hà Nam	Công ty trong cùng TCT
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Công ty trong cùng TCT
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng TCT
Trung tâm đào tạo - NC Công nghệ đồ uống & Thực phẩm Sabeco	Hồ Chí Minh	Đơn vị thuộc TCT
Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân	Hà Nội	Vợ của Phó Giám đốc là thành viên HĐQT
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	Hà Nội	Con của thành viên HĐQT là Giám đốc
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	Phú Thọ	Chồng của Kế toán trưởng là Chủ hộ kinh doanh

### 3b. Các nghiệp vụ phát sinh với bên liên quan trong kỳ

<u>STT</u>	<u>Bên liên quan</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>
<b>1. Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
1	TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	865.618.890.208
2	Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	20.196.000
3	Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân	19.178.619.400
4	Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	4.863.140.889
<b>2. Thu tiền từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
1	TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	849.341.895.408
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	36.178.496.200
3	Công ty Cổ phần Bia - Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	20.196.000
4	Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân	20.369.707.900
5	Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	4.863.140.889
<b>3. Mua nguyên vật liệu, hàng hóa</b>		
1	TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	327.744.751.723
2	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	214.659.500



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	64.218.000
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	21.560.000
5	Trung tâm đào tạo - NC Công nghệ đồ uống & Thực phẩm Sabeco	203.681.063
6	Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	1.464.191.127
7	Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	647.862.600

**4. Thanh toán tiền mua vật liệu, hàng hóa**

1	TCT Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	336.277.229.306
2	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	212.272.500
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	64.218.000
4	Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	21.560.000
5	TT Đ.Tạo-NC Công nghệ đồ uống & Thực phẩm SABECO	203.681.063
6	Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	1.478.631.924
7	Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	647.862.600

**3c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân	Người mua trả tiền trước	1.177.730.500
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	Người mua trả tiền trước	174.716.500

Số dư với các bên liên quan của các khoản mục khác được trình bày trong các thuyết minh ở mục V.

**3d. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát năm 2016:

STT	Bên liên quan	Thu nhập
1	Ban Giám đốc	1.522.818.722
2	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	955.444.697

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5. Các công cụ tài chính****Giá trị ghi sổ kế toán**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.450.008.669	-	90.609.879.190	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.520.243.000	-	37.387.269.308	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>82.970.251.669</b>	<b>-</b>	<b>127.997.148.498</b>	<b>-</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

### Giá trị ghi sổ kế toán

#### Nợ phải trả tài chính

Phải người bán và phải trả khác

Chi phí phải trả

Các khoản vay

Cộng

	31/12/2016	01/01/2016
Phải người bán và phải trả khác	50.916.939.818	53.365.608.192
Chi phí phải trả	1.995.815.910	1.725.795.655
Các khoản vay	15.000.000.000	96.732.452.012
<b>Cộng</b>	<b>67.912.755.728</b>	<b>151.823.855.859</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phân lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.
- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Từ 01 đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm (31/12/2016)</b>			
Các khoản vay	6.000.000.000	9.000.000.000	15.000.000.000
Phải trả người bán	42.218.064.008	-	42.218.064.008
Chi phí phải trả	1.995.815.910	-	1.995.815.910
Phải trả khác	8.698.875.810	-	8.698.875.810
<b>Số đầu năm (01/01/2016)</b>			
Các khoản vay	96.732.452.012	-	96.732.452.012
Phải trả người bán	48.307.259.332	-	48.307.259.332
Chi phí phải trả	1.725.795.655	-	1.725.795.655
Phải trả khác	5.058.348.860	-	5.058.348.860

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty đã xây dựng kế hoạch thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam.

#### 7. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.





**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Địa chỉ: KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**8. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ được Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 23/01/2017.

Người lập biểu

Trần Bích Thủy

Kế toán trưởng

Trần Bích Thủy

Phú Thọ, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Giám đốc



Bùi Văn Thiêng

